

# CHIẾN TRANH VIỆT NAM: TRẢI NGHIỆM VÀ TÁI HIỆN TRONG TIỂU THUYẾT MỸ THỜI HẬU CHIẾN

TRẦN ĐĂNG TRUNG<sup>(\*)</sup>

Chiến tranh Việt Nam là thất bại cay đắng nhất trong lịch sử nước Mỹ, một cuộc chiến kéo dài mòn mỏi, tiêu tốn quá nhiều tiền bạc, công sức và sinh mạng với kết quả thu lại gần như con số không. Không chỉ mất đi một đồng minh, một tiền đồn quan trọng trong chiến lược be bờ ngăn chặn làn sóng cộng sản ở châu Á, thất bại ở Việt Nam và cả một cuộc chiến đầy tai tiếng khiến cho hình ảnh của Hoa Kỳ trên trường quốc tế xuống dốc thảm hại, tinh thần chống đế quốc Mỹ và chủ nghĩa tư bản dâng cao ngay trong chính xã hội phương Tây. Cuộc chiến không đơn thuần diễn ra ở một xứ sở xa xôi mà còn làm bùng lên ngọn lửa lớn giữa lòng nước Mỹ, trở thành một vấn đề nhức nhối chia rẽ quan điểm, thái độ của nhân dân Mỹ và ở những thời điểm căng thẳng nhất, đó như một cuộc nội chiến kịch liệt ẩn chứa những bùng phát bạo lực chỉ trực vượt ra ngoài tầm kiểm soát. Nỗi đau đớn và nhục nhã vì thất trận, sự rối bời mâu thuẫn trong cách thức nhìn nhận và đánh giá về cuộc chiến khiến cho trong suốt một thời gian những người tham chiến, những cựu binh trở về từ Việt Nam, được chào đón ở quê hương bằng sự im lặng, ghẻ lạnh, thậm chí căm ghét của cộng đồng. Họ trở thành gánh nặng thừa thãi không được công nhận và cảm thông; họ sống sót qua một cuộc chiến thảm khốc và sau đó lại phải đối diện với một hoàn cảnh hậu chiến tàn nhẫn không kém. Những hình ảnh, những câu chuyện về những người tham dự vào cuộc chiến được phổ biến rộng rãi bởi chính quyền, phong trào phản chiến hay truyền thông đại chúng trong thời chiến và cả rất lâu sau đó không ngừng tạo nên những định kiến, kỳ thị sai lầm, những ảo tưởng và huyền thoại huyền hoặc, những cảm xúc giật gân câu khách rẻ tiền khiến cho hai từ “Việt Nam” mang một sắc thái u ám, tẻ nhạt. Một mạng lưới dày đặc những diễn ngôn với vô vàn những tạp âm nhiễu loạn áp đặt lên những

<sup>(\*)</sup> NCS – Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

người lính một cách bất công, đè nặng lên số phận vốn đã hẩm hiu của họ. Văn chương, tiểu thuyết trở thành một công cụ để những con người bị đè nén cất lên tiếng nói chân thật của mình, để kể một cách sâu sắc và thấm thía về những gì họ từng trải qua trong chiến tranh, những tội lỗi, thương tổn, khổ đau và giằng vặt họ phải hứng chịu và mang theo trong suốt cuộc đời còn lại. Viết như một phản ứng chống lại và đánh tan những định kiến sai lệch, khơi gợi sự đồng cảm và thấu hiểu từ phía những người ngoài cuộc, như một nỗ lực để biện minh hay thú tội cho những hành động trong chiến tranh, phơi bày những góc khuất mà chỉ những người từng ném trái mìn mới biết rõ, trở thành một nhu cầu nội tại tại đây bức bách của những người từng cầm súng chiến đấu.

Chiến tranh Việt Nam đã đẩy hàng triệu những thanh niên trai trẻ của nước Mỹ vào lò lửa bạo lực, bắn giết, chết chóc như vật tế thần cho những tham vọng và ảo tưởng của một đế quốc trên đà bành trướng ảnh hưởng. Những người lính bước ra khỏi cuộc chiến đầy khốc liệt, trở về trong im lặng, chìm lấp giữa những bùa vây của huyền hoặc, định kiến và đồn thổi. Đối diện với muôn trùng những tạp âm bát nháo, những phán xét, dè bieu, hiểu nhầm hay tò mò tọc mạch về bản thân và trải nghiệm trận mạc của họ, trước sự thôi thúc mạnh mẽ từ nội tâm và cả sự bí bách của hoàn cảnh bên ngoài, những người từng cầm súng chọn cách cầm bút, đưa câu chuyện của mình và đồng đội lên trang sách, kể về những gì đã thực sự diễn ra trong cuộc chiến dù đã trở thành quá vãng nhưng chưa bao giờ thôi ám ảnh, giằng vặt. Viết để đánh tan những huyền thoại được nhào nặn nhằm phục vụ cho những mưu đồ của một chính quyền và giới quân sự đầy hiếu chiến, để bày tỏ nỗi lòng về sự thế khó khăn nan giải trong việc giữ mình khỏi phạm vào tội ác và mong mỏi sự cảm thông thấu hiểu, để thoát khỏi những định kiến ngặt nghèo được phong trào phản chiến phổ biến, để dẹp bỏ và vạch ra những điều ấu trĩ giả tạo trong những tác phẩm thương mại của đám con buôn văn hóa thị trường nhả nhót kiếm tiền trên xương máu đồng loại, và cũng để chống lại sự lãng quên của một xã hội vốn dĩ chẳng mấy khi có khả năng ghi nhớ. Một dòng văn học phản tư về cuộc chiến được sáng tác bởi những người từng trải trong cuộc nỗ lực đem đến một “chân diện mục” cho chiến tranh bùng nổ trong thời kỳ hậu chiến với vô số những tác phẩm hết lớp này qua lớp khác quay đi trở lại mọi khía cạnh chủ đề, trở thành đối trọng với các diễn ngôn khác tồn tại trong xã hội, không ngừng bảo vệ hình ảnh những người lính và góc nhìn, quan điểm của họ khỏi những bóp méo, xuyên tạc từ mọi phía. Những tiểu thuyết về chiến tranh chiếm vị trí chủ đạo trong dòng văn học này, với số lượng và chất lượng vượt trội so với các thể loại khác.

Một số tác phẩm tiểu thuyết đã trở thành kinh điển, là góc nhìn, sự soi chiếu có thẩm quyền khi đề cập tới trải nghiệm chiến tranh Việt Nam của người Mỹ.

\*

Nước Mỹ bước lên vũ đài chính trị thế giới với vị trí siêu cường nhờ cái bóng khổng lồ của chiến thắng vang dội trong Thế chiến thứ II và cả sự can thiệp ngăn chặn cộng sản thành công ở Triều Tiên. Nước Mỹ chỉ phải trả một cái giá quá nhỏ cho một vinh quang quá lớn và tâm thế đắc thắng trên phạm vi hoàn cầu của một quốc gia non trẻ dâng cao hơn bao giờ hết. Lần đầu tiên trong lịch sử ngắn ngủi của quốc gia mình, bằng sự khôn ngoan và lòng quả cảm, Hoa Kỳ đã trở thành đế quốc mạnh mẽ và phồn vinh nhất. Thế hệ hậu thế chiến thứ II của nước Mỹ được sinh trưởng và nuôi dưỡng trong bầu khí quyền thẩm đẫm tự tin và hào sảng đó; họ chìm ngập giữa vô vàn những sách báo, phim ảnh ca ngợi công lao, những hy sinh gian khổ và sự dũng cảm vô ngần của cha anh họ trong chiến tranh. Những dẫn nhập về chiến tranh đối với thanh niên Mỹ lớn lên trong khoảng thập niên 60 của thế kỷ XX chủ yếu đến từ những sản phẩm văn hóa về cuộc Thế chiến, cuộc chiến “vĩ đại”, một cuộc chiến mà đúng như Paul Fussell đã chỉ ra trong cuốn sách của ông, *Thời chiến: Sự hiểu biết và Hành vi trong Thế chiến thứ hai*: “Suốt năm mươi năm qua, cuộc chiến của phe Đồng Minh đã được rửa sạch và lãng mạn hóa bởi những kẻ cảm tính, ái quốc bất thường, những kẻ ngu ngốc và những kẻ khát máu đến độ không còn có thể nhận ra nó được nữa”<sup>(1)</sup>. Với thanh niên Mỹ vào thời điểm đó, mọi cuộc chiến từ nay, đều sẽ giống như Thế chiến II, cuộc chiến lý tưởng của họ. Niềm ham thích chiến tranh, những hy vọng và mong ước lãng mạn của tuổi trẻ, còn được hun đúc ngay trong chính gia đình, nơi mà những bậc cha chú rất có thể cũng là những người lính hiển hách từng kinh qua những thắng lợi vinh quang với đủ những tám huân huy chương chứng minh cho sự thiện chiến và lòng dũng cảm kiên cường. Thế hệ trẻ đó còn được truyền cảm hứng về tình yêu cùng nghĩa vụ phục sự tổ quốc từ John F. Kennedy, một vị tổng thống trẻ trung cũng bước ra từ chiến tranh với vị thế của một anh hùng, người không ngừng nâng đỡ và phổ biến hình ảnh về lực lượng đặc nhiệm (Green Berets) một đội tinh binh thiện nghệ có thể can thiệp ở bất cứ chiến trường nào, hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào, và chiến thắng trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Cả một thế hệ trẻ người Mỹ ngưỡng mộ những kỳ tích của cha anh, khao khát khẳng định bản thân mình, ôm ấp lý tưởng bảo vệ đất nước khỏi những hiểm họa bên ngoài, hoàn toàn tin tưởng vào những câu chuyện anh hùng lãng mạn về chiến tranh. Và như một tất yếu, Việt Nam trở thành lời hiệu triệu,

thành tiếng kèn xung trận giục giã những thanh niên trai tráng tham chiến ở một xứ sở hoàn toàn xa lạ. Philip Caputo, trong cuốn tiểu thuyết tự thuật *Lời đồn chiến tranh* (*A Rumor of War*), miêu tả rất rõ ràng sự chuẩn bị và cái tâm thế háo hức trước chiến tranh của thế hệ mình: “Tôi lùng sục tất cả những tài liệu tuyên truyền, chọn lấy một cuốn sách mỏng có trên trang bìa danh sách mọi trận đánh mà thủy quân lục chiến đã tham gia, từ Trenton tới Inchon. Đọc danh sách đó, tôi lờ mờ nhận ra rằng: cái trải nghiệm anh hùng mà tôi bấy lâu tìm kiếm chính là chiến tranh; chiến tranh, một cuộc phiêu lưu tối hảo; chiến tranh, phương cách thuận tiện nhất để con người thoát khỏi đời sống thường nhật (...). Nếu một cuộc chiến xảy đến, lính thủy quân lục chiến chắc chắn sẽ chiến đấu và tôi có thể ở đó cùng họ. Ở đó thực sự! Không phải xem trong rạp hay trên màn hình TV, không phải đọc trong một cuốn sách, mà là ở đó, sống giữa những điều tuyệt diệu”<sup>(2)</sup>. Với Caputo và rất nhiều những thanh niên trai trẻ đồng trang lứa, chiến tranh Việt Nam, ban đầu, là cơ hội để sống một giấc mơ mà mình hằng mong ước.

Những thanh niên Mỹ tòng quân trong chiến tranh Việt Nam ôm ấp trong lòng những ảo tưởng về chiến tranh được tiêm nhiễm vào tâm não họ từ thế hệ đi trước, sách vở nhà trường, truyền thông đại chúng và tuyên truyền của chính quyền. Đa số họ nghĩ rằng Việt Nam cũng sẽ giống như những cuộc chiến trước đó của quốc gia mình với những trận đánh lớn nơi quân Mỹ chiến đấu kiên cường và chiến thắng vẻ vang được thể hiện trong đủ thứ tài liệu và tác phẩm về chiến tranh mà họ say mê chìm đắm suốt thời niên thiếu. Cuộc chiến, rốt cục, đã không thỏa mãn được những ước vọng trai trẻ mà trái lại còn khiến cho những tín điều và lý tưởng trong họ sụp đổ một cách đầy mỉa mai và cay đắng. Họ nhận ra rằng chiến tranh hoàn toàn không phải giống như những màn trình diễn hào hùng, dũng mãnh trên trang sách hay màn ảnh mà họ vẫn quen thuộc. Trái lại, đó là một hiện thực đáng sợ rùng rợn và ghê tởm kinh người. Larry Heinemann, trong tiểu thuyết *Giáp lá cà* (*Close Quarters*), với một bút pháp hiện thực trần trụi, đã tái hiện lại trải nghiệm chiến trường của người lính bộ binh Mỹ tại Việt Nam. Nhân vật chính của tác phẩm, Philip Dossier, miêu tả lại lần đụng độ kẻ thù đầu tiên của mình, hoàn toàn khác xa với những hình tượng anh hùng bất khả chiến bại, dũng mãnh oai phong thường thấy trong văn hóa Mỹ: “Có người hét lên, “Bọn da vàng đấy!” và ngay lập tức một tràng đạn tự động nổ đөн. Những loạt súng xối xả loáng nhoáng xuyên qua những thân cây làm tôi chết lặng. Tôi ở đó, chửi thề, luống cuống, gắng gượng hết sức để bắn trả nhưng hai tay tôi, đôi mắt và cả giọng nói – tất cả cứng đờ bất động. Tôi sắp bị giết. Tôi thấy thật ngu xuẩn. Tôi quá hoảng loạn đến độ chẳng thể nói được gì,

thậm chí không thể kêu lên...”<sup>(3)</sup>. Trước những làn đạn qua lại của hai bên binh lính đang lao vào nhau, Dossier chỉ biết chết đuối kinh hãi trong cảm lạnh, run rẩy. Sau cuộc chạm trán, lính Mỹ bắt được một người bên phía cộng sản, một anh lính trẻ tuổi dù bị đánh đập, trời buộc nhưng vẫn không chút sợ hãi. Chưa hết hoảng hồn sau cú sốc chóng vánh đầu đời lính, Dossier được giao nhiệm vụ canh chừng tù binh. Khi thấy người lính cố trườn thoát, Dossier ngay lập tức phản ứng: “Tôi và thằng nhỏ. Tôi buông lưới lê tuột khỏi tay mình rồi đề lên ngực nó với tất cả sức nặng cơ thể, hai tay bóp chặt cổ. Tôi bóp chẹt yết hầu của nó bằng những ngón tay mình. Kéo lên, đẩy xuống, và siết chặt”<sup>(4)</sup>. Dossier hồn hển bên cạnh cái xác, bản thân và giằng vật tốt độ về những gì vừa làm: “Tôi nhìn sang chỗ khác rồi quay lại. Tôi không thể cảm thấy thoải mái được nữa... Mắt tôi cay xè. Nó đã có thể bò đi nơi khác. Tôi đáng nhẽ cứ để nó bò thoát. Mà tại sao tôi không đâm chết nó bằng lưới lê cho rồi? Tôi đã bóp ngạt nó như vắt một cái thảm ướt, nắm chặt và vặn xiết, gập lại, rồi lại vặn xiết hơn. Như thể vắt nát quả chanh thành hai nửa và phần thịt, hạt tất tạt rỉ ra giữa những kẽ tay tôi”<sup>(5)</sup>. Giết người, với Dossier, là một hành động kinh tởm và mùi vị thực sự của chiến tranh, khác xa với những điều lãng mạn và hùng tráng, thật sự đáng ghê rợn. Rất nhiều những người lính Mỹ học được bài học đầu đời về cái gọi là chiến tranh quá muộn màng, khi họ đã bị mắc kẹt trên chiến trường ở một nơi chốn hoàn toàn xa lạ và hung hiểm, trong một cuộc chiến ác mộng trái ngược hoàn toàn những kỳ vọng, trông đợi ban đầu.

Những người lính Mỹ, sau cuộc chiến mà họ gọi là một chuyến “du lịch nghĩa vụ” (tour of duty) ở một xứ sở viễn Đông xa lắc, quay lại quê hương trong sự im lặng và ghê lạnh của gần như toàn xã hội. Với đa số người Mỹ ngay cả những người thân trong gia đình, những cựu binh của cuộc chiến tranh Việt Nam hoặc là những kẻ thất bại thảm hại, hoặc là những tên tội phạm tàn ác. Họ không xứng đáng được chào đón và trọng vọng như những thế hệ binh lính bước ra từ những cuộc chiến trước của người Mỹ. Cái nhìn thiếu thiện cảm này, sau một thời gian khá dài, cũng dần được cải thiện song cuộc đời của những cựu chiến binh cũng chẳng mấy khảm khá hơn trong một xã hội mà họ luôn cảm thấy lạc lõng. Larry Heinemann, với tiểu thuyết *Chuyện của Paco*, qua câu chuyện của nhân vật chính Paco, đã giúp vô vàn những cựu binh Mỹ nói lên được số phận của bản thân và thế hệ mình. Paco trở về cố hương với những vết thương bầm dập trên cơ thể cùng những tâm sự nặng trĩu cõi lòng về cuộc chiến chẳng biết phải kể cùng ai. Trong những ngày tháng lang thang trên khắp các thị trấn của nước Mỹ, người bạn đồng hành duy nhất của Paco là cây gậy giúp anh có thể đi lại được sau khi những vết thương hủy hoại cơ thể. Gặp rất nhiều người tò mò

về cái nạng có vẻ kì quái của mình, anh chỉ lẳng lặng trả lời rằng mình bị thương trong chiến tranh. Là người sống sót duy nhất của cả đại đội, Paco đã may mắn hơn nhiều đồng đội khác nhưng những di chứng mà cuộc chiến để lại cho anh cũng vô cùng tàn hại. Về thể xác, Paco thường xuyên phải chịu đựng những cơn đau đốn quặn quại, phải liên tục sử dụng các loại thuốc đặc trị để chống chọi lại với những thương tổn dai dẳng trên cơ thể. Tác phẩm miêu tả lại chi tiết và rõ nét những cảm giác tồi tệ mà Paco phải trải qua trong suốt phần đời còn lại: “Thực ra hẳn không ngủ, tuy phải gập cong người trong tư thế khó chịu nhưng hẳn thấy đầu vầng vất tới mức hầu như đỡ dần không biết gì sau khi uống thêm vài liều thuốc giãn cơ và chống trầm cảm. Hẳn thấy đau ở vùng thắt lưng, như mọi hành khách khác, và đau đầu dữ dội... Tình trạng đau nhức và co quắp của hẳn tồi tệ tới mức hẳn cố gắng duỗi chân duỗi tay hay há to mồm để thở, tập thể dục hoặc trị liệu đều vô tác dụng. Cảm giác khó chịu, người nóng rực đến ngộp thở, như bị rất nhiều vật nhọn châm vào người hoặc vật gì đó liên tục gõ vào người hầu như là tình trạng thường xuyên lúc hẳn thức”<sup>(6)</sup>. Những vết thương thể xác có thể lành, nhưng những chấn thương tinh thần là thứ khó có thể thoát khỏi trong cuộc đời những cựu chiến binh. Giống như mọi người lính khác đã từng tham chiến tại Việt Nam, Paco luôn bị ám ảnh bởi quá khứ tàn khốc mà cá nhân mình đã phải trải qua. Mặc cảm về tội lỗi, những cơn ác mộng thường xuyên xuất hiện trong tâm trí người lính. Paco hứng chịu “căn bệnh” thần kinh không buông tha bất cứ người lính nào đã tham chiến mà giới tâm lý học gọi chung một cách giảm nhẹ là “rối loạn căng thẳng hậu sang chấn” (PTSD). Song, khủng khiếp nhất đối với một người lính trong thời hậu chiến không phải những thương tổn về thể xác hay tinh thần mà là sự ghẻ lạnh, vô cảm của những người sống xung quanh. Trong suốt cuộc hành trình dọc khắp nước Mỹ, qua những bến xe, thị trấn, cửa hàng, Paco gần như không bao giờ được chào đón. Và tuyệt nhiên, cuộc chiến mà anh và những đồng đội của mình đã xả thân vì nó chẳng bao giờ được những người dân trên đất nước này nhắc đến trong các cuộc trò chuyện của họ. Cuộc chiến của Paco, câu chuyện của Paco đã hoàn toàn rơi vào quên lãng. Paco lặng lẽ sống trong cảnh làm thuê cực nhọc kiếm vài đồng lẻ để trang trải cuộc mưu sinh tại một quán ăn. Đường như không lúc nào nhân vật được hưởng một niềm hạnh phúc, sung sướng trọn vẹn. Những ngày tháng chiến tranh bị vắt kiệt sinh lực trên chiến trường được nối tiếp bởi thời hậu chiến chìm ngộp trong những công việc nặng nhọc và tẻ ngắt. Những khách hàng nhìn anh như một người phục vụ kì quái, lập dị. Nhiều cô gái tỏ vẻ tò mò pha lẫn khinh bỉ một nhân dạng dị hợm, một tên quái vật kì quặc. Kết thúc tác phẩm, Paco vẫn cô độc rong ruổi trên những con đường, đi về phía Tây, với một tương lai hoàn toàn vô định.

Một thách thức mà các nhà văn - cựu binh Mỹ đối diện khi viết về trải nghiệm tại Việt Nam là sự tồn tại của vô vàn những câu chuyện sai lệch về chiến tranh trùng điệp trước mặt họ. Vấn đề về tính chân xác của sự phản ánh chiến tranh được đặt ra một cách nhức nhối với những người lính cầm bút, những người thực sự có thẩm quyền được kể về chiến tranh nhưng luôn phải chứng kiến những điều đơm đặt của những kẻ chẳng hiểu biết gì nhưng rất cao giọng và to mồm. Trong cuốn tiểu thuyết độc đáo *Những thứ họ mang*, Tim O'Brien dành rất nhiều trang viết để bàn về vấn đề cốt tử này, như một tuyên ngôn nghệ thuật của bản thân mình. Trước tiên, Tim O'Brien tách biệt sự chân thực và đạo đức, thứ luôn có khuynh hướng áp đảo sự thật, khi viết về chiến tranh: "Một câu chuyện chân thực về chiến tranh chẳng bao giờ dạy đời. Nó không hướng dẫn, không xiên dương đức hạnh, không đưa ra những mẫu mực hay hành vi đúng đắn của con người, không kiểm chế con người đừng làm những việc con người vẫn luôn làm. Nếu một câu chuyện trông có mùi dạy đời, đừng tin nó. Nếu đến cuối một câu chuyện về chiến tranh mà bạn cảm thấy tinh thần mình thăng hoa, hay nếu bạn cảm thấy có một chút gì công chính được cứu vãn khỏi sự tàn hại lớn, ấy là bạn đã bị biến thành nạn nhân của một sự dối trá khủng khiếp và cũ rích. Chẳng cái gì là công chính hết. Làm gì có đức hạnh. Vì vậy, quy tắc đầu tiên là: bạn chỉ có thể kể một câu chuyện chân thực về chiến tranh bằng cách trung thành tuyệt đối với cái ác và sự tục tằn"<sup>(7)</sup>. Ông chỉ ra tính mập mờ của những trải nghiệm chiến tranh, khiến cho mọi nỗ lực phân định rạch ròi đều có nguy cơ rơi vào sự giả trá: "Trong bất cứ câu chuyện nào về chiến tranh nhưng đặc biệt là một câu chuyện chân thực, khó mà tách bạch được điều đã xảy ra với điều dường như đã xảy ra. Cái dường như đã xảy ra đến trước khi nó xảy ra và cần được kể lại theo cách đó (...). Rồi sau đó, khi ta đi kể lại chuyện ấy, luôn luôn có cái sự dường như đây siêu thực ấy, nó làm cho câu chuyện có vẻ như không thực, nhưng trên thực tế lại tiêu biểu cho cái sự thực nghiệt ngã và chân xác như nó vốn *dường như thế*"<sup>(8)</sup>. Sự điên rồ, bất khả tín, bất khả thuật đôi khi lại là một phần không thể tách rời của sự chân thực: "Trong nhiều trường hợp một câu chuyện chân thực về chiến tranh không thể tin được. Nếu bạn tin nó, hãy hoài nghi. Đây là chuyện tính khả tín. Thường thì phần điên rồ nhất là thực còn phần bình thường là không thực, bởi cái phần bình thường cần phải có đấy để làm cho bạn tin cái sự điên rồ quả tình là không thể tin kia. Trong những trường hợp khác bạn thậm chí không thể kể một câu chuyện chân thực về chiến tranh. Đôi khi nó nằm ngoài khả năng kể lại"<sup>(9)</sup>. Ở một khía cạnh khác, nhà văn phê phán mọi nỗ lực biến những trải nghiệm trực tiếp đầy sinh động và bất khả quy giản của con người trong chiến tranh thành những

phạm trù chung chung: “Chuyện chân thực về chiến tranh không khái quát hóa. Chúng không dùng sự trừu tượng hay phân tích (...). Nó phải chạm đến bản năng trong cật ruột. Một chuyện chiến tranh chân thực, nếu kể một cách chân thực, sẽ làm cho cật ruột tin”<sup>(10)</sup>. Và như một nghịch lý, chúng ta cần phải chấp nhận tính tương đối của sự chân xác như một thực tế nằm sâu trong bản chất của chiến tranh: “Trong chiến tranh ta đánh mất cảm quan cái gì là xác định, do đó là cảm quan về bản thân sự thực, và do đó cũng có thể nói trong một câu chuyện chân thực về chiến tranh chẳng có gì là tuyệt đối thực”<sup>(11)</sup>. Cuối cùng, những câu chuyện có thể cứu chúng ta, một sự cứu rỗi không phải phần thân xác phù du mà là phần tinh thần căn cốt nhất của con người, còn sống hay đã chết, sẽ được những câu chuyện lưu giữ lại, cấp cho một cuộc đời sinh động mới mẻ và trở nên bất tử cùng nhân loại. Tim O’Brien đã từng phát ngôn rất rõ ràng về niềm tin vào quyền năng chiến thắng thời gian của truyện kể: “Khi thời gian trôi qua, năm trăm hay một nghìn năm sau, những sự kiện lịch sử của cuộc chiến của chúng ta tại Việt Nam sẽ phai mờ. Chỉ có những câu chuyện đầy mãnh lực, sống động và huyền ảo là còn đủ sức mạnh để khiến con người rơi lệ. Truyện kể là thứ còn lại mãi mãi, khi mà chẳng còn có thứ gì được ghi nhớ ngoài bản thân câu chuyện”<sup>(12)</sup>.

\*

Những người lính Mỹ cầm bút sau chiến tranh, trở thành nhà văn viết về những trải nghiệm, về cuộc đời của bản thân và những người đồng đội, lựa chọn con đường sáng tạo nghệ thuật như một cách thế tồn tại, đối diện một thử thách lớn lao khác của chiến tranh. Làm sao để đưa những nếm trải và kinh nghiệm chiến trận lên trang sách, làm sao để biến tất cả thành một công trình thẩm mỹ, chân thực và sâu sắc, trở thành nổi trăn trở, niềm suy tư đau đáu của mỗi người lính – nhà văn. Chiến tranh là một đề tài đầy thách đố, một hiện thực dường như quá cỡ và quá sức với mọi người viết. Chỉ riêng trở ngại về ngôn ngữ để tái hiện và biểu đạt những trạng huống, cảm xúc, tâm tư đầy phức tạp, rối bời trong chiến tranh đã như một bức tường ngăn cách sự chia sẻ, thấu hiểu và đồng cảm giữa con người, khiến cho luôn có một sự cách biệt chẳng thể nào san bằng giữa những người thực sự hiểu chiến tranh và những người không bao giờ hiểu được. Những trải nghiệm mãnh liệt tột độ của chiến trận cùng những sắc thái tình cảm đan xen, phức tạp đầy kì dị đối với cảm thức thông thường khiến cho việc miêu tả chân xác trở nên khó khăn hơn hẳn. Những sáng tác về chiến tranh, vì vậy, rất dễ dàng bị rơi vào những lối mòn sẵn có, những công thức quen thuộc và biến thành những câu chuyện nhảm sáo. Người viết cũng luôn đứng trước nguy cơ phải trảng lên tác phẩm của mình những



lớp men của sự giả dối, thái độ dễ dãi chiều lòng mọi người đọc thay vì dũng cảm nói lên những sự thật trần trụi, trái nghịch với những kỳ vọng, tín điều của cả cộng đồng bởi nếu làm như vậy, họ có thể phải hứng chịu rất nhiều những phê phán, rủa xả từ phía công luận. Nhưng những người cầm bút chân chính vẫn sẽ viết về chiến tranh, đặc biệt là khi họ đã từng cầm súng chiến đấu. Sáng tạo đối với họ như một sự “thanh tẩy” (catharsis) giúp thuyên giảm những chấn thương tâm lý và văn chương trở thành một phương tiện trị liệu tinh thần cho những cựu binh. Viết còn như một cách phản tư, tra vấn lại những vấn đề về trách nhiệm cá nhân và đạo đức cũng như làm vơi bớt nỗi sợ hãi, mặc cảm tội lỗi cùng những ám ảnh đè nặng tâm can. Chiến tranh, như mọi ký ức khác của xã hội con người, cần phải được ghi nhớ và lưu giữ. Những thắng lợi vinh quang hay thất bại cay đắng, những bài học, những cái giá mà mỗi cá nhân và mỗi dân tộc phải trả cho một cuộc chiến cần phải được truyền đạt tới từng con người trong cộng đồng, cả ngày hôm nay và những thế hệ mai sau. Văn chương có sức mạnh và khả năng đặc biệt trong việc chống lại sự lãng quên và thường xuyên soi sáng, nhắc nhở chúng ta về hiện thực chiến tranh với tất cả những cung bậc, sắc thái, góc diện của nó. Ngoài ra, viết còn như một nghĩa vụ tâm linh thiêng liêng của người lính đối với những người đã khuất, những người không may mắn bỏ mạng trong chiến tranh. Những câu chuyện văn chương không những chỉ cho người sống mà còn cho cả những linh hồn xấu số, không chỉ bó hẹp trong phạm vi phe này phía nọ mà vượt trên mọi bờ cõi và giới hạn để trở thành tiếng chuông nguyện hồn chung cho thân phận con người, không chỉ gói gọn trong phạm vi nghệ thuật mà còn có ý nghĩa cảnh tỉnh sâu sắc đối với mọi nhà cầm quyền, khiến cho họ phải ý thức được sâu sắc những khốc hại khủng khiếp mà chiến tranh gây ra cho nhân loại. Đó là những tiếng nói mạnh mẽ cất lên để bảo vệ và bênh vực quyền sống của con người □

(1) Paul Fussell: *Wartime: Understanding and Behavior in the Second World War*, Oxford University Press, New York, 1989, ix.

(2) Philip Caputo: *A Rumor of War*, Henry Holt and Company, New York, 1996, 6.

(3), (4), (5) Heinemann Larry: *Close Quarters*, Vintage Books, New York, 2005, 43-45; 73; 74-75.

(6) Larry Heinemann: *Chuyện của Paco* (Phạm Anh Tuấn dịch). Nxb. Phụ nữ, H., 2011, tr.70.

(7), (8), (9), (10), (11) Tim O'Brien: *Những thứ họ mang* (Trần Tiến Cao Đăng dịch). Nxb. Văn học, H., 2011. tr.95; 98-99; 99; 108; 113-114.

(12) Mark Heberle (ed.): *Thirty Years After: New Essays on Vietnam War Literature, Film, and Art*, Cambridge Scholars Publishing, Newcastle, 2009, 9.